TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G

Bản án số: 58/2024/HS-ST
Ngày: 19/9/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Xuân H**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn D**

2. Bà **Nguyễn Thị C**

***Thư ký phiên toà*:** Ông **Vũ Đức Q** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Ngọc T** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2024/HSST ngày 20/8/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HS ngày 04/9/2024, đối với bị cáo:

Trịnh Phong P - Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 08/8/2001 tại tỉnh G; Số CCCD: 064201008375; Nơi cư trú: Làng B, xã H, huyện Đ, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Cha: Trịnh Thanh Ph - sinh năm 1973, Mẹ: Trương Thị Hồng L1 - sinh năm 1975. Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh G; Gia đình bị cáo có 03 chị em, lớn nhất sinh năm 1995, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Bị cáo có vợ là Lưu Thị Ngọc L1 và 01 người con sinh năm 2023. Hiện vợ, con bị cáo trú tại: Làng B, xã H, huyện Đ, tỉnh G; Nhân thân: Tốt; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/5/2024 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh G.

Bị hại: Chị **Lê Thị L** - sinh năm 1973. Trú tại: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông **Trịnh Thanh Ph** - sinh năm 1973. Trú tại: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

2. Bà **Trương Thị Hồng L1** - sinh năm 1975. Trú tại: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

3. Ông **Hồ Sỹ N** - sinh năm 1964. Trú tại: 131 Hoàng Văn Thụ, phường D, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

4. Anh **Nguyễn Trần Tuấn A** - sinh năm 1996. Trú tại: 03 Huỳnh Thúc Kháng, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 16 giờ ngày 30/4/2024, Trịnh Phong P đang điều khiển xe mô tô biển số 81C1 - 155.38 đi chơi thì nhận được điện thoại đòi nợ của Nguyễn Trần Tuấn A (tên gọi khác là Hoàng; sinh năm 1996, thường trú tại Phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Tạm trú tại Số 03 Huỳnh Thúc Kháng, thành phố P, tỉnh G). Lúc này P điều khiển xe mô tô đi tìm gặp bạn bè để mượn tiền nhưng không gặp được ai, sau đó P đến tìm chị gái tên Trịnh Thị Hồng Vân (sinh năm 1995 trú tại Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh G) để mượn tiền nhưng cũng không gặp.

Do không mượn được tiền, P đã nảy sinh ý định cướp giật tài sản để trả nợ nên P lấy băng keo đen dán số 1 và số 3 của xe mô tô biển số xe 81C1 - 155.38 thành biển số 81C1 - 455.98 mục đích để không ai nhận ra biển số thật rồi điều khiển xe mô tô đi dạo xung quanh khu vực Thôn 3, xã N, huyện Đ tìm người nào sơ hở để cướp giật tài sản. Lúc này, P quan sát thấy chị Lê Thị L (sinh năm 1973, trú tại Thôn 3, xã N, huyện Đ) điều khiển xe mô tô đi ngược chiều ngang qua và trên cổ có đeo dây chuyền màu vàng nên P điều khiển xe quay lại đuổi theo. Khi đến trước quán Hương Cháo và nhà ông Nguyễn Tấn K thuộc Thôn 3, xã N, P thấy chị L điều khiển xe đi chậm nên P điều khiển xe vượt lên phía bên trái xe của chị L, dùng tay phải giật sợi dây chuyền rồi điều khiển xe tẩu thoát theo hướng xã N đi xã H lên thành phố P, tỉnh G.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, P điều khiển xe mô tô đến tiệm vàng Mỹ Ngọc của anh Hồ Sỹ N (sinh năm 1964) thuộc số 131, Hoàng Văn Thụ, phường D, thành phố P, tỉnh G) bán sợi dây chuyền cho anh Nhân được số tiền 11.500.000 đồng.

Sau khi có tiền, P điện thoại cho Tuấn A và hẹn đến trước Cung văn hoá thiếu nhi thuộc đường Phan Đình Phùng, thành phố P, tỉnh G để trả tiền. Khi Tuấn A đến nơi thì P đã trả cho Tuấn A số tiền 10.000.000 đồng, còn lại số tiền 1.500.000 đồng P đã tiêu xài cá nhân hết.

Cùng ngày, chị Lê Thị L làm đơn đến Công an để trình báo sự việc.

Ngày 03/5/2024, Trịnh Phong P đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Theo Kết luận giám định số 928/KL-KTHS ngày 15/5/2024 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đ kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng gửi giám định có hàm lượng như sau: 61,0% là vàng; 24,6% là đồng; 12,0% là bạc; 2,4% là kẽm. Khối lượng mẫu là 11,10gam.

Theo kết luận định giá tài sản số 60/KL-HĐĐGTS ngày 29/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại có khối lượng 11,10gam; có hàm lượng kim loại gồm: 61% là vàng; 24,6% là đồng; 12% là bạc; 2,4% là kẽm có trị giá là 13.764.000 đồng.

2. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại xe AIR BLACK màu xanh biển số 81C1 – 155.38 do Trịnh Phong P giao nộp, quá trình điều tra xác định là của ông Trịnh Thanh Ph (bố ruột của Trịnh Phong P) ông Ph không biết Trịnh Phong P sử dụng xe trên làm phưng tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Ph theo quy định.

- 01 chiếc mũ bảo hiểm màu xanh rêu; 01 chiếc áo thun dài tay màu xanh xám; 01 quần vải màu đen và 01 đôi dép xỏ ngón màu xanh trắng do Trịnh Phong P giao nộp là tài sản của P không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho P là phù hợp.

- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng do anh Hồ Sỹ N giao nộp, quá trình điều tra xác định là của bị hại Lê Thị L nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L theo quy định.

- Đối với 02 đĩa CD bên trong chứa Video thể hiện 01 nam giới mặc áo dài tay màu xanh xám, quần vải dài đội mũ bảo hiểm điều khiển xe mô tô hiệu AIR BLACK màu xanh. Trong đó 01 đĩa CD được Cơ quan điều tra trích xuất từ Camera nhà chị Huỳnh Thị Thanh P1 (sinh năm 1996 trú tại Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh G) và 01 đĩa CD do Công an xã N trích xuất từ Camera an ninh của xã giao nộp; hình ảnh 01 nam giới điều khiển xe mô tô hiệu AIR BLACK được Cơ quan điều tra trích xuất từ Camera nhà chị Huỳnh Thị Thanh P1 và Một ảnh chụp hình dây chuyền do chị Lê Thị L giao nộp là vật chứng chứng minh hành vi phạm tội của Trịnh Phong P nên chuyển theo hồ sơ vụ án.

3. Về dân sự:

- Bị hại Lê Thị L đã nhận lại tài sản bị cướp giật nên không yêu cầu bồi thường về dân sự và đã làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

- Anh Hồ Sỹ N đã được bà Trương Thị Hồng L1 (mẹ ruột của Trịnh Phong P) trả lại số tiền 11.500.000 đồng nên không yêu cầu gì thêm. Bà Trương Thị Hồng L1 không yêu cầu Trịnh Phong P phải tra lại số tiền trên.

4. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Cáo trạng số: 60/CT-VKS ngày 20/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tỉnh G đã truy tố bị cáo về tội: *"Cướp giật tài sản"* quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố và đề nghị:

Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 2 năm tù đến 2 năm 6 tháng tù.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và xin xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 30/4/2024, Trịnh Phong P điều khiển xe mô tô biển số 81C1 - 155.38 đi dạo xung quanh Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh G với mục đích tìm người nào sơ hở để cướp giật tài sản. Lúc này, P quan sát thấy chị Lê Thị L điều khiển xe mô tô đi ngang qua và trên cổ có đeo dây chuyền màu vàng nên P điều khiển xe vượt lên phía bên trái, dùng tay phải giật sợi dây chuyền của chị L rồi điều khiển xe tẩu thoát. Tài sản mà Trịnh Phong P chiếm đoạt có trị giá là 13.764.000 đồng.

Hành vi điều khiển xe mô tô cướp giật tài sản của người khác cũng đang điều khiển xe mô tô rồi nhanh chóng tẩu thoát mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự trị an xã hội. Mặt khác, hành vi của bị cáo còn có thể gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác. Bì vậy, bị cáo Trịnh Phong P đã phạm vào tội *"Cướp giật tài sản"* với tình tiết định khung *"Dùng thủ đoạn nguy hiểm"* quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đến cơ quan Công an đầu thú, được bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng cần cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian bằng mức hình phạt tù có thời hạn mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên sẽ được áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5] Về dân sự:

Giữa bị cáo, gia đình bị cáo với bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thoản thuận bồi thường xong, không có ai có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã xử lý các vật chứng đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về các vấn đề khác:

- Đối với ông Trịnh Thanh Ph là chủ sở hữu xe mô tô biển số 81C1 - 155.38 do Trịnh Phong P sử dụng đi phạm tội nhưng ông Ph không biết nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với anh Hồ Sỹ N là người mua lại sợi dây chuyền kim loại màu vàng nhưng anh Nhân không biết là do Trịnh Phong P phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý về tội *"chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

- Đối với Nguyễn Trần Tuấn A được Trịnh Phong P trả nợ số tiền 10.000.000 đồng nhưng Tuấn A không biết số tiền trên là do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý. Mặt khác, số tiền trên là do P trả nợ cho Tuấn A nên không có căn cứ để tịch thu.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Phong P phạm tội: *"Cướp giật tài sản"*.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Phong P 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/5/2024.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trịnh Phong P phải nộp số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (19/9/2024), bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G;
- VKSND tỉnh G
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu HS, AV, VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân H